

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5 - 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Bà Lê Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 27/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: 036 khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: 168, tổ 2, khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Ở: 036 khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:

Bà D và ông C tự nguyện tìm hiểu, tiến đến quan hệ hôn nhân chung sống với nhau từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã T), tỉnh Bình Dương vào năm 2003. Thời gian chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống; đồng thời ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và vợ chồng không có tiếng nói chung về vấn đề kinh tế gia đình. Do đó, vợ chồng thường

xuyên gây gỗ, cãi vã nhau và vợ chồng cũng đã nhiều lần trao đổi với nhau nhằm hàn gắn tình cảm để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Lê Ngô Uyên P, sinh năm 1993; Lê Ngô Minh M, sinh năm 1994; Lê Ngô Yến D, sinh năm 1998 và Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003.

Sau khi ly hôn, bà Ngô Thị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003 và bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với 03 con chung Lê Ngô Uyên P, sinh năm 1993; Lê Ngô Minh M, sinh năm 1994; Lê Ngô Yến D, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn C trình bày

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình tiến đến quan hệ hôn nhân, con chung; còn về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như bà D trình bày là không đúng. Bà Dũng có bản tính ngỗ nghịch với cha mẹ và ngược đãi chồng, các anh chị em ruột và dữ dằn với các con thể hiện qua việc bà D sử dụng những từ ngữ thô lỗ, tục tiểu, xưng hô mày tao với chồng, chửi rủa thậm tệ các con và cha mẹ, anh, chị, em. Bản thân ông C luôn quan tâm đến gia đình, các vật dụng, chi phí sinh hoạt trong gia đình và tiền học cho các con đều do một mình ông C chi trả nhưng bà D không lo được một bữa cơm cho gia đình.

Đối với việc bà D cho rằng ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là không đúng, không có cơ sở và chứng cứ rõ ràng. Đó là do bà D ghen vô cớ, bà D chỉ thấy tin nhắn trong điện thoại của ông C với người khác mà làm lớn chuyện dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Ông C cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến bà D nộp đơn xin ly hôn là do vợ chồng không thống nhất trong vấn đề kinh tế gia đình, cụ thể là ông D không đồng ý ký tên để bà D vay tiền (do bà D buộc ông C ký tên vay tiền để trả nợ) nên từ đó bà D dùng những từ ngữ thô tục, bản thiếu đã chửi rủa ông bà, cha mẹ, ông C và anh chị em của ông C trước mặt các con.

Như vậy, nguyên nhân vợ chồng là do một mình bà D gây ra nên người nộp đơn xin ly hôn phải là do ông C nộp nhưng do hiện nay ông C bận nhiều công việc và vì các con nên chưa nộp đơn ly hôn với bà D. Do đó, bà D nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông C thì ông C không đồng ý.

Trường hợp, vợ chồng phải ly hôn thì ông C có ý kiến như sau:

Về con chung: Đối với 03 con chung Lê Ngô Uyên P, sinh năm 1993; Lê Ngô Minh M, sinh năm 1994; Lê Ngô Yến D, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003, nếu cháu V muốn sống với ai thì giao cho người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C, đồng thời ông C hiện cư trú tại địa chỉ 036 khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Ngô Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn C và bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; đồng thời về tài sản và nợ chung các đương sự không tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Ngô Thị D và ông Lê Văn C tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là phường B, thị xã T), tỉnh Bình Dương vào năm 2003 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông C là hợp pháp.

Theo lời trình bày trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà Ngô Thị D và ông Lê Văn C đều xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lớn tiếng và cãi vã nhau. Tuy nhiên, ông C và bà D không thống nhất về người

gây ra nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nội dung bà D và ông C xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lớn tiếng và cãi vã nhau phù hợp với nội dung xác minh ngày 20/3/2019 và phù hợp với ý kiến trình bày của các con của ông C, bà D. Đồng thời, ông D cho rằng người nộp đơn xin ly hôn phải là do ông C nộp nhưng do hiện nay ông C bận nhiều công việc và vì các con nên chưa nộp đơn ly hôn với bà D. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Ngô Thị D được ly hôn với ông Lê Văn C.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông C và bà D có 04 con chung tên Lê Ngô Uyên P, sinh năm 1993; Lê Ngô Minh M, sinh năm 1994; Lê Ngô Yến D, sinh năm 1998 và Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003.

Sau khi ly hôn, bà Ngô Thị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003 và bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với 03 con chung Lê Ngô Uyên P, sinh năm 1993; Lê Ngô Minh M, sinh năm 1994; Lê Ngô Yến D, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C xác định, trường hợp ông C và bà D ly hôn thì đối với 03 con chung Lê Ngô Uyên P, sinh năm 1993; Lê Ngô Minh M, sinh năm 1994; Lê Ngô Yến D, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003, nếu cháu V muốn sống với ai thì giao cho người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, đối với 03 con chung tên Lê Ngô Uyên P, sinh năm 1993; Lê Ngô Minh M, sinh năm 1994; Lê Ngô Yến D, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003 đã trên 07 tuổi nhưng chưa trưởng thành nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với cháu V theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Qua làm việc, cháu V xác định trường hợp cha và mẹ ly hôn thì có nguyện vọng sống với bà Ngô Thị D. Đồng thời, bà D cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; mặt khác cháu V đã 16 tuổi và là con gái nên sống với mẹ sẽ được chăm sóc về tâm sinh lý tốt hơn. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung tên Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị D đối với bị đơn ông Lê Văn C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị D được ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngô Thanh V, sinh ngày 09/7/2003 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Đối với 03 con chung tên Lê Ngô Uyên P, sinh năm 1993; Lê Ngô Minh M, sinh năm 1994; Lê Ngô Yến D, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai số 0024733 ngày 03/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Kiệt

